



Đề cương nhà nước và pháp luật đại cương

Pháp luật đại cương (Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)



Scan to open on Studocu

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC

Câu 1. Các đặc trưng cơ bản của nhà nước

Định nghĩa Nhà nước

- Nhà nước là tổ chức quyền lực chính trị, quyền lực công của xã hội, của nhân dân;
- NN có chủ quyền, thực hiện việc quản lý các công việc chung của toàn xã hội trên cơ sở pháp luật và lợi ích chung với BMNN chuyên trách.
- NN có trách nhiệm bảo vệ, bảo đảm các quyền tự do của con người, vì sự phát triển bền vững của XH.

Các đặc trưng cơ bản của nhà nước:

1. Nhà nước là 1 tổ chức quyền lực chính trị công cộng đặc biệt, có bộ máy chuyên thực hiện cưỡng chế và quản lý những công việc chung của xã hội.

=> Để thực hiện quyền lực và quản lý xã hội, cần có một lớp người chuyên làm nhiệm vụ quản lý, họ được tổ chức thành các cơ quan và hình thành nên bộ máy cưỡng chế duy trì sự thống trị giai cấp, bảo vệ lợi ích giai cấp thống trị, buộc các giai cấp và tầng lớp dân cư trong xã hội phải tuân theo, phục tùng giai cấp thống trị nhằm duy trì và quản lý xã hội trở nên công bằng và phát triển bền vững.

2. Nhà nước có lãnh thổ, phân chia và quản lý dân cư theo các đơn vị hành chính lãnh thổ.

=> Nhà nước phân chia dân cư theo các đơn vị hành chính lãnh thổ không phụ thuộc vào chính kiến, nghề nghiệp, huyết thống, giới tính... Việc phân chia này quyết định phạm vi tác động của nhà nước trên quy mô rộng lớn nhất và dẫn đến hình thành cơ quan quản lý trong bộ máy nhà nước. Không một tổ chức xã hội nào trong xã hội có giai cấp lại không có lãnh thổ riêng của mình.

Lãnh thổ là dấu hiệu đặc trưng của nhà nước. Nhà nước thực thi quyền lực trên phạm vi toàn lãnh thổ. Mỗi nhà nước có một lãnh thổ riêng, trên lãnh thổ ấy lại phân thành các đơn vị hành chính như tỉnh, quận, huyện, xã,... Dấu hiệu lãnh thổ xuất hiện dấu hiệu quốc tịch.

3. Nhà nước có chủ quyền quốc gia.

Nhà nước là một tổ chức quyền lực có chủ quyền. Chủ quyền quốc gia mang nội dung chính trị pháp lý. Nó là dấu hiệu thể hiện quyền độc lập tự chủ, quyền tự quyết dân tộc trong mối quan hệ với các quốc gia khác và cộng đồng quốc tế.

Chủ quyền quốc gia có tính tối cao, không tách rời nhà nước. Thể hiện quyền lực nhà nước có hiệu lực trên toàn đất nước, đối với tất cả dân cư và tổ chức xã hội, không trừ một ai.

4. Nhà nước ban hành pháp luật và có các biện pháp bảo đảm thực hiện pháp luật.

Nhà nước là đại diện cho toàn bộ xã hội, là tổ chức duy nhất có quyền ban hành pháp luật và bảo đảm thực hiện bằng bộ máy cưỡng chế nhà nước. Các quy định của nhà nước đối với công dân thể hiện trong pháp luật do nhà nước ban hành có tính bắt buộc chung đối với mọi công dân mọi tổ chức trong xã hội. Mối quan hệ nhà nước và pháp luật: Không thể có nhà nước mà thiếu pháp luật và ngược lại. Trong xã hội chỉ nhà nước có quyền ban hành pháp luật, các tổ chức khác không có quyền này và chính nhà nước bảo đảm cho pháp luật được thực thi trong cuộc sống.

5. Nhà nước quy định và thực hiện thu các loại thuế dưới hình thức bắt buộc.

Để đảm bảo cho bộ máy nhà nước có thể hoạt động để duy trì trật tự trong xã hội, nhà nước cần phải có ngân sách để thực hiện mục tiêu. Ngân sách này chủ yếu từ nguồn thu thuế của nhà nước. Thuế là đòn bẩy và có tác dụng điều tiết các hoạt động kinh tế của nhà nước. Bằng việc đánh thuế với các mức thuế nhà nước có thể điều tiết tăng hoặc giảm sản lượng các mặt hàng các ngành sản xuất trong kinh tế nhằm mục đích đảm bảo cho sự phát triển của nền kinh tế.

Ví dụ: Nhà nước đánh thuế thấp vào nhập khẩu xăng dầu để bình ổn giá

+ Nhà nước lại đánh thuế cao các mặt hàng rượu bia, thuốc lá

Thuế là do dân đóng góp vào nên từ đó phục vụ trở lại cho lợi ích công cộng cho toàn bộ dân cư.

Câu 2: Phân loại các hình thức chính thể và các hình thức cấu trúc của nhà nước.

1. *Hình thức chính thể:*

a) Định nghĩa : là cách thức tổ chức, trình tự thành lập các cơ quan cao nhất của quyền lực nhà nước, mối quan hệ giữa các cơ quan này với nhau và mức độ tham gia của nhân dân vào việc

b) Bao gồm 2 loại : *Chính thể quân chủ và chính thể cộng hòa*

→ Để phân biệt chúng ta dựa vào ***cách thức thiết lập vị trí nguyên thủ quốc gia.***

+ Ở hình thức chính thể quân chủ nguyên thủ quốc gia được truyền ngôi thế tập thừa kế

+ Ở hình thức chính thể cộng hòa ngt qg đc bầu hoặc bổ nhiệm giữ quyền lực theo nhiệm kì

- Trong hình ***thức chính thể quân chủ*** có hai loại : *quân chủ tuyệt đối và quân chủ lập hiến*

→ Để phân biệt chúng ta dựa vào: ***phần quyền lực nhà vua nắm giữ.***

+ Ở hình thức chính thể quân chủ lập hiến vua hay nữ hoàng chỉ nắm 1 phần quyền lực mang tính hình thức là chủ yếu. Còn phần lớn quyền lực nhà nước thuộc về các cơ quan tối cao khác.

Ví dụ: Tư sản Anh, Nhật, Thái Lan

+ Ở hình thức chính thể quân chủ tuyệt đối : vua nắm mọi quyền lực nhà nước.

Ví dụ: Brunai, phong kiến Việt Nam, Phong kiến Trung Quốc

- Trong hình thức ***chính thể cộng hòa*** có 2 biến dạng: *cộng hòa quý tộc và cộng hòa dân chủ.*

→ Để phân biệt chúng ta dựa vào ***quyền bầu cử được dành cho tầng lớp nào.***

+ Ở hình thức chính thể cộng hòa quý tộc : quyền bầu cử chỉ dành cho tầng lớp quý tộc. Ví dụ: nhà nước XPAC (Hy Lạp cổ đại), La Mã cổ đại

+ Ở hình thức chính thể cộng hòa dân chủ: quyền bầu cử được dành cho mọi tầng lớp nhân dân.

- Trong hình thức **chính thể cộng hòa dân chủ** chia thành 3 loại : cộng hòa tổng thống (Mỹ, Philipin); cộng hòa dân chủ nhân dân (Việt Nam, Trung Quốc); cộng hòa lưỡng tính (vừa có tổng thống vừa có thủ tướng : Nga, Pháp)

2. Hình thức cấu trúc nhà nước

- Định nghĩa: Là sự tổ chức nhà nước thành các đơn vị hành chính – lãnh thổ, tính chất của mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành nhà nước, giữa các cơ quan nhà nước trung ương với các cơ quan nhà nước địa phương.

Nhà nước đơn nhất	Nhà nước liên bang
-Nhà nước có chủ quyền chung. Có chủ quyền duy nhất	- Là nhà nước có từ 2 hay nhiều thành viên hợp lại, vừa có chủ quyền nhà nước liên bang, vừa có chủ quyền nhà nước thành viên
-Có một hệ thống cơ quan nhà nước thống nhất	-Có hệ thống cơ quan nhà nước, cơ quan nhà nước liên bang và cơ quan bang
-Có một hệ thống pháp luật	-Có hai hệ thống pháp luật
-Công dân có một quốc tịch duy nhất	-Công dân mang hai quốc tịch
Ví dụ: Việt Nam, Lào, ...	Ví dụ: Mỹ, Đức, Ấn Độ, Malayxia, Liên Xô cũ

3. Liên hệ với nhà nước Việt Nam

a) Hình thức chính thể của nhà nước Việt Nam : cộng hòa dân chủ nhân dân

Vì :

- Nguyên thủ quốc gia ở Việt Nam là chủ tịch nước do quốc hội bổ nhiệm và giữ quyền lực theo nhiệm kỳ 5 năm
- Quyền bầu cử của nvn đc dành cho mọi tầng lớp nhân dân

- *Quyền lực nhà nước ở Việt Nam là thống nhất có sự phân công phối hợp giữa 3 quyền luật pháp, hành pháp, tư pháp. Trong đó nguyên thủ quốc gia là ng đứng đầu nhà nước, lập pháp giao cho quốc hội, hành pháp giao cho chính phủ, tư pháp giao cho tòa án, viện kiểm sát*
- *Trong nhà nước VN giữa nhà nước và công dân có mối quan hệ bình đẳng, các cơ quan nhà nước trong quá trình tổ chức và hoạt động luôn đặt lợi ích của nhân dân lên hàng đầu.*

b) Hình thức cấu trúc nhà nước

- *Hình thức cấu trúc nhà nước đơn nhất :*
 - + Nhà nước Việt Nam có chủ quyền chung, thống nhất, toàn vẹn trên lãnh thổ Việt Nam
 - + Nhà nước Việt Nam có 1 hệ thống các cơ quan nhà nước thống nhất từ trung ương đến địa phương
 - + Nhà nước Việt Nam có 1 hệ thống pháp luật thống nhất trên phạm vi cả nước
 - + Công dân VN trong 1 quốc tịch

Câu 3: Chức năng nhà nước: khái niệm, phân loại, các hình thức và phương pháp thực hiện chức năng của nhà nước.

- KN: Chức năng của NN là những phương diện hoạt động chủ yếu của NN nhằm thực hiện những nhiệm vụ đặt ra trước NN
- Phân loại Chức năng nhà nước
- Chức năng đối nội: là những mặt hoạt động chủ yếu của NN trong nội bộ đất nước
Ví dụ: Chức năng kinh tế, chức năng chính trị, chức năng xã hội, văn hoá, giáo dục, khoa học công nghệ, y tế, môi trường, chức năng ghi nhận, bảo đảm và bảo vệ các QCN, QCD,...
- Chức năng đối ngoại: là những mặt hoạt động cơ bản của NN trong quan hệ quốc tế
Ví dụ: Thiết lập các quan hệ ngoại giao với các quốc gia và các tổ chức quốc tế khác. Chức năng quốc phòng, bảo vệ đất nước. Chức năng bảo vệ trật tự, hòa bình thế giới, tham gia giải quyết các vấn đề có tính khu vực và quốc tế. Xâm lược bành trướng lãnh thổ (trước kia)
- Hình thức cơ bản để thực hiện Chức năng nhà nước
- Bằng hoạt động lập pháp: ban hành VBPL trong các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, y tế,... để thực hiện sự quản lý
- Bằng hoạt động hành pháp: NN tổ chức thực hiện các quy định pháp luật đã đc ban hành trên thực tế

- Bằng hoạt động tư pháp: NN có cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chức năng NN
- Phương pháp thực hiện Chức năng nhà nước
- Giáo dục, thuyết phục, khuyến khích
- Cưỡng chế
- Các yếu tố quy định, tác động đến việc xác định và thực hiện chức năng nhà nước
- Chức năng của NN do bản chất, cơ sở kinh tế - xã hội, nhiệm vụ chiến lược và mục tiêu lâu dài của NN quyết định

NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

4. Nội dung cơ bản của chức năng kinh tế và các chức năng xã hội của nhà nước Việt Nam.

	Chức năng kinh tế	Chức năng xã hội
Định nghĩa	CNKT là những phương diện hoạt động chủ yếu của NN trong tổ chức, điều tiết và quản lý nền kinh tế nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu vật chất của người dân, NN và của toàn XH	CNXH là những phương diện hoạt động chủ yếu của NN trong tổ chức, điều tiết và quản lý XH nhằm thiết lập một XH ổn định, phát triển trên mọi lĩnh vực
Nội dung	NNVN xây dựng nền KTTT định hướng XHCN với nhiều hình thức SH và nhiều thành phần KT Đồng thời, NN khuyến khích và tạo điều kiện để các doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức thực hiện hoạt động đầu tư, kinh doanh, góp phần xây dựng đất nước	NN quản lý XH trên mọi lĩnh vực: Văn hoá, giáo dục, y tế, KHCN và các lĩnh vực khác như môi trường, trật tự XH, vệ sinh ATTP
Hình thức và PP thực hiện	Hình thức: <ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng các VBPL trong quản lý nền KT • Tổ chức thực hiện các QPPL để điều chỉnh các QHKT • Đồng thời có cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện CNKT Phương pháp: <ul style="list-style-type: none"> • Giáo dục, thuyết phục, khuyến khích, tuyên truyền • Cưỡng chế 	Hình thức: <ul style="list-style-type: none"> • Xây dựng các VBPL trong quản lý nền XH • Tổ chức thực hiện các QPPL để điều chỉnh các lĩnh vực XH • Đồng thời có cơ chế kiểm tra, giám sát việc thực hiện CNXH Phương pháp: <ul style="list-style-type: none"> • Giáo dục, thuyết phục, khuyến khích, tuyên truyền

		truyền • Cường chế
Liên hệ thực tiễn	Những vấn đề hiện nay mà NN cần giải quyết để thực hiện tốt CNKT: <ul style="list-style-type: none"> • Ứng phó với những bất lợi từ dịch Covid • Thích ứng với cuộc CMCN 4.0, vấn đề khởi nghiệp • Thủ tục hành chính; Phát triển các nền KT mà VN có thể mạnh: xuất khẩu thủy sản, nông nghiệp, giày da; Phát triển KT bền vững: vừa phát triển kinh tế, vừa chú trọng giải quyết các vấn đề phát sinh như bảo vệ môi trường, an sinh xã hội 	Những vấn đề hiện nay mà NN cần giải quyết để thực hiện tốt CNXH:

4. Bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam: khái niệm, phân loại các cơ quan nhà nước, vị trí, vai trò, chức năng cơ bản của các cơ quan nhà nước.

**Trả lời:*

A. Khái niệm, phân loại bộ máy Nhà nước CHXHCNVN

- **Khái niệm:** BMNN Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam là **hệ thống các cơ quan NN từ trung ương xuống địa phương, được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc chung, thống nhất nhằm thực hiện những nhiệm vụ chiến lược và các chức năng của NN vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, XH công bằng, dân chủ, văn minh.**
- **Phân loại:**

	Cơ quan lập pháp (cơ quan quyền lực nhà nước)	Cơ quan hành pháp (hành chính nhà nước)	Cơ quan thi pháp (bảo vệ pháp luật)	Nguyên thủ quốc gia
Trung ương	Quốc hội	Chính phủ (Bộ, cơ quan ngang Bộ)	- Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát tối cao	Chủ tịch nước
Địa phương	Hội đồng nhân dân các cấp (tỉnh, huyện, xã)	Ủy ban nhân dân (tỉnh, huyện, xã)		

B. Các cơ quan trong BMNN VN

*** CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC Ở TRUNG ƯƠNG**

1. Quốc hội

a) Vị trí pháp lý

- Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực NN cao nhất của nước CHXHCN Việt Nam

b) Chức năng, nhiệm vụ cơ bản

- QH thực hiện quyền lập hiến, lập pháp
- Quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước
- Thành lập ra các định chế quyền lực ở trung ương
- Quyền giám sát tối cao đối với hoạt động của NN
- Các nhiệm vụ khác được quy định trong Hiến Pháp

2. Chủ tịch nước

a) Vị trí pháp lý

- Là người đứng đầu NN, thay mặt nước CHXHCNVN về đối nội & đối ngoại.

b) Chức năng, nhiệm vụ cơ bản

- Công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh.
- Quyết định tặng thưởng huân chương, huy chương, đại xá, đặc xá
- **Thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân**, giữ chức Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh.
- Tiếp nhận đại sứ đặc mệnh toàn quyền của nước ngoài; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cử, triệu hồi đại sứ đặc mệnh toàn quyền của Việt Nam; quyết định đàm phán, ký điều ước quốc tế nhân danh NN VN.
- Và các chức năng, nhiệm vụ khác.

3. Chính phủ (các Bộ và cơ quan ngang Bộ)

a) Vị trí pháp lý

- Là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước CHXHCN VN, thực hiện quyền hành pháp
- Là cơ quan chấp hành của QH.

b) Chức năng, nhiệm vụ cơ bản

- Thống nhất quản lý nền hành chính quốc gia và thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của đất nước.
- Tổ chức thi hành Hiến pháp & Pháp luật, nghị quyết của QH

4. Các cơ quan toà án

a) Vị trí pháp lý

- Là cơ quan tư pháp, bảo vệ pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

b) Chức năng, nhiệm vụ

- Thực hiện xét xử

5. Các cơ quan kiểm sát

a) Vị trí pháp lý

- Là CQ thực hành quyền công tố; kiểm sát hoạt động tư pháp.

b) Chức năng, nhiệm vụ cơ bản

- Thực hiện quyền công tố
- Kiểm sát hoạt động tư pháp

***CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC Ở ĐỊA PHƯƠNG**

1. Hội đồng nhân dân các cấp

a) Vị trí pháp lý

- Là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương
- Đại diện cho Nhân dân ở địa phương

b) Chức năng, nhiệm vụ cơ bản

- Quyết định các vấn đề của địa phương theo luật định.

- Thành lập ra các định chế quyền lực ở địa phương.
- Giám sát việc tuân theo HP và PL ở địa phương; giám sát việc thực hiện nghị quyết của HĐND.

2. UBND CÁC CẤP (tỉnh, huyện, xã)

a) Vị trí pháp lý

- Là cơ quan hành chính NN ở địa phương.
- Là cơ quan chấp hành của **HĐND cùng cấp**

b) Chức năng, nhiệm vụ cơ bản

- Thống nhất quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ quan trọng của địa phương
- Tổ chức **thi hành Hiến pháp và pháp luật ở địa phương**; tổ chức thực hiện nghị quyết của **HĐND cùng cấp**

***CÁC CƠ QUAN ĐỘC LẬP**

1. Hội đồng bầu cử quốc gia

a) Vị trí pháp lý

- Hội đồng bầu cử quốc gia do QH thành lập gồm: Chủ tịch QH đứng đầu, các Phó Chủ tịch và các Ủy viên.

b) Chức năng, nhiệm vụ cơ bản

- Tổ chức bầu cử đại biểu QH

2. Kiểm toán nhà nước

a) Vị trí pháp lý

- Là cơ quan do QH thành lập, hoạt động độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.
- Tổng Kiểm toán nhà nước là người đứng đầu Kiểm toán nhà nước, do QH bầu

b) Chức năng, nhiệm vụ cơ bản

- Thực hiện kiểm toán việc quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công.

4. Nhà nước pháp quyền: khái niệm và đặc điểm cơ bản.

➤ ĐN:

- Là tổ chức quyền lực chính trị được tổ chức, vận hành trên cơ sở nguyên tắc dân công, kiểm soát quyền lực NN, giới hạn quyền lực NN bằng PL, thượng tôn PL, phù hợp lẽ phải, công bằng vì lợi ích con người.
 - Có trách nhiệm tôn trọng và có các thiết chế pháp lý hữu hiệu để bảo vệ, baroo đảm thực hiện quyền tự do của con người khỏi mọi sự xâm phạm, dân chủ hóa các lĩnh vực hoạt động XH.
 - MQH NN-cá nhân mang tính: bình đẳng, trách nhiệm qua lại lẫn nhau.
 - Những đặc trưng cơ bản của NNPQ
1. Xác lập và củng cố chế độ Hiến pháp- ĐK tiên quyết của NNPQ
 2. Đảm bảo tính công bằng, minh bạch của PL và khả năng tiếp nhận công lý cho người dân.
 3. Thực hiện phân quyền trong tổ chức quyền lực NN
 4. Bảo đảm được sự độc lập của tư pháp.
- Liên hệ

ĐẠI CƯƠNG VỀ PHÁP LUẬT

7. Các thuộc tính cơ bản của pháp luật và vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.

a. Định nghĩa

Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung, do NN đặt ra hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện, thể hiện ý chí của giai cấp thống trị nhằm điều chỉnh các quan hệ xã hội

b. Các thuộc tính (đặc điểm) của pháp luật

• Tính quy phạm phổ biến, bắt buộc chung

- PL được áp dụng đối với mọi cá nhân, tổ chức thuộc phạm vi điều chỉnh của các VBPL tương ứng
- PL được áp dụng nhiều lần trong không gian và thời gian (cho đến khi hết hiệu lực)
- Chính thuộc tính này đã làm cho QPPL của NN khác với QP đạo đức, QP tập quán, hay điều lệ của các tổ chức XH khác

• Tính xác định chặt chẽ về mặt hình thức

- PL do NN ban hành được thể hiện dưới những tên gọi riêng, có giá trị hiệu lực pháp lý khác nhau, thuộc thẩm quyền ban hành của các CQNN khác nhau.
- Ngôn ngữ trong các VBPL cũng có đặc điểm riêng, ngắn gọn, rõ ràng, trực tiếp chứ không ẩn dụ, ví von, không sử dụng từ đa nghĩa hay tiếng địa phương. Điều này để đảm bảo cho PL có tính phổ thông, dễ hiểu, dễ vận dụng, tránh việc hiểu theo đa nghĩa.

• Tính được đảm bảo thực hiện bằng NN

- Các loại QPXH có thể được bảo đảm thực hiện bằng các biện pháp khác (chứ không phải sự cưỡng chế của NN) như: lương tâm, sự tự giác, dư luận XH,...

- PL của NN được bảo đảm thực hiện bởi các biện pháp từ giáo dục, thuyết phục, tài trợ, tuyên truyền,... và đặc biệt có thể được bảo đảm thực hiện bằng biện pháp mà chỉ có NN mới có, đó là “cưỡng chế NN” (áp dụng chế tài NN,...)
- **Các thuộc tính khác: Tính hệ thống, tính ổn định, tính dự báo,...**
 - Tính hệ thống
 - Tính ổn định
 - Tính dự báo
 -
- c. **Vai trò của pháp luật**
 - Vai trò PL đối với việc bảo vệ, đảm bảo các quyền tự do của con người
 - Vai trò PL trong việc quy định và đảm bảo thực hiện mối quan hệ bình đẳng, đồng trách nhiệm giữa NN và cá nhân
 - Vai trò PL đối với NN
 - Vai trò PL đối với đạo đức
 - Vai trò PL đối với văn hoá, truyền thống, tập quán
 - Vai trò PL đối với dân chủ, công bằng và bình đẳng
 - Vai trò PL đối với kinh tế
 - Vai trò PL đối với các vấn đề XH

7. Các loại Nguồn pháp luật.

1. Định nghĩa

Nguồn pháp luật là những hình thức chính thức thể hiện các quy tắc bắt buộc chung được NN thừa nhận, có giá trị pháp lý để áp dụng và việc giải quyết các sự việc trong thực tiễn pháp lý và là phương thức tồn tại trên thực tế của các quy phạm pháp luật

2. Các loại nguồn pháp luật

- Tập quán

Tập quán pháp là hình thức NN thừa nhận 1 số tập quán đã lưu truyền trong xã hội, phù hợp với lợi ích của giai cấp thống trị, được NN nâng lên thành những quy tắc xử sự chung và được bảo đảm thực hiện

- Văn bản quy phạm pháp luật

VBQPPL là hình thức thể hiện các quyết định của các cơ quan NN có thẩm quyền, ban hành theo những trình tự, thủ tục pháp lý nhất định, trong đó, quy định những quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung đối với tất cả các chủ thể pháp luật, được áp dụng nhiều lần trong cuộc sống

- Án lệ

Án lệ là nguồn PL dưới dạng bản án của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ việc cụ thể, được NN thừa nhận như khuôn mẫu, cơ sở để giải quyết những vụ việc tương tự về sau.

3. Nguồn pháp luật ở Việt Nam

- Điều 6, Bộ Luật dân sự 2015: VN hiện đã thừa nhận các loại nguồn VBQPPL, Tập quán, Án lệ, Lễ công bằng
- VBQPPL là loại nguồn chủ yếu, chính thức. Các loại VBQPPL được quy định trong Luật BHVBQPPL 2015
- Tập quán được VN thừa nhận khá sớm, thường trong lĩnh vực LDS, LTM

- Án lệ từng được VN sử dụng từ PK đến trước 1975. Từ 2015, VN đã thừa nhận án lệ như 1 loại nguồn của PLVN

7. Quy phạm pháp luật: khái niệm, cấu trúc, các loại quy phạm pháp luật.

1. Định nghĩa

QPPL là những quy tắc xử sự chung, do NN đặt ra hoặc thừa nhận, có tính bắt buộc chung, thể hiện ý chí của NN và được NN bảo đảm thực hiện nhằm điều chỉnh các quan hệ XH

Ví dụ:

- CD có quyền tự do ngôn luận
- CD có nghĩa vụ đi bầu cử

2. Cấu trúc của QPPL

Lưu ý: Một QPPL có thể có cấu trúc gồm đầy đủ 3 bộ phận: Giả định, quy định, chế tài. Tuy nhiên, cũng sẽ có những QPPL chỉ bao gồm 2/3 bộ phận (giả định + chế tài, giả định + quy định,...)

	Giả định	Quy định	Chế tài
Khái niệm	Giả định của QPPL quy định <i>địa điểm, thời gian, chủ thể, hoàn cảnh, tình huống</i> mà khi xảy ra trong thực tế cuộc sống thì cần phải thực hiện theo quy tắc mà QPPL đặt ra.	Quy định là bộ phận của QPPL đưa ra những <i>quy tắc xử sự</i> mà mọi chủ thể phải tuân theo khi ở vào điều kiện, hoàn cảnh đã nêu ở phần Giả định.	Chế tài của QPPL là bộ phận nêu lên những hậu quả pháp lý bất lợi áp dụng đối với các chủ thể có hành vi vi phạm PL.
Phân loại	Giả định giản đơn Giả định phức tạp	Quy định cấm → <i>Cấm tàng trữ, mua bán, sử dụng chất trái phép</i> Quy định bắt buộc → <i>Ba mẹ có nghĩa vụ yêu thương, chăm sóc con cái</i> Quy định tùy nghi → <i>CD có quyền...</i> Quy định hướng dẫn → <i>CD muốn làm thủ tục đăng ký kết hôn thì đến UBND xã phường của 1 trong 2 bên</i>	Chế tài Hình sự → <i>Phạt tù, tù chung thân, tử hình,...</i> Chế tài dân sự → <i>Bồi thường</i> Chế tài Hành chính → <i>Phạt tiền, tạm giữ phương tiện vi phạm</i> Chế tài kỷ luật NN → <i>Cách chức, buộc thôi việc, hạ bậc lương,...</i>

3. Phương thức thể hiện QPPL

- Phương thức thể hiện trực tiếp
- Phương thức thể hiện viện dẫn

4. Phân loại các QPPL

căn cứ vào tiêu chí các ngành luật, ta có:

- QPPL hiến pháp
- QPPL dân sự
- QPPL hành chính
- QPPL hình sự
- QPPL hôn nhân và gia đình

7. VBQPPL ở VN: Khái niệm; Các loại VBQPPL; Hiệu lực của VBQPPL; Phân biệt VBQPPL và Văn bản áp dụng pháp luật.

- ĐN: Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành theo đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong [Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật](#).

- Các loại VB QPPL ở VN

Hệ thống VB QPPL ở VN được quy định tại điều 4 luật VB QPPL 2015. Bao gồm:

1. Hiến pháp
2. Bộ luật
3. Nghị định, nghị quyết, quyết định,,,

- Hiệu lực của VB QPPL

- Hiệu lực của VBQPPL là giới hạn về thời gian, không gian, đối tượng thi hành mà VBQPPL tác động tới.
- Có 3 loại hiệu lực của VB QPPL
- Hiệu lực theo thời gian
- Hiệu lực theo không gian
- Hiệu lực theo đối tượng tác động

- Phân biệt:

Tiêu chí	VB QPPL	VB ADPL
Giống	Đều do CQNN ban hành, đều có tính quyền lực NN	
Ví dụ	Hiến pháp, Luật, Nghị định, Nghị quyết,...	Giấy chứng nhận ĐKKH, Bản án, Cáo trạng,... Biên bản xử phạt VPGT, Bằng khen, CCCD,...

	Là văn bản chứa đựng những quy phạm AD nhiều lần cho đến khi hết hiệu lực	Là văn bản có tính cá biệt, cụ thể AD 1 lần
--	--	--

7. Thực hiện pháp luật: Khái niệm; Các hình thức thực hiện pháp luật.

1. Định nghĩa

Thực hiện pháp luật là hoạt động có mục đích nhằm hiện thực hoá các quy định pháp luật vào cuộc sống, trở thành những hành vi thực tế hợp pháp của chủ thể pháp luật

2. Phân biệt các hình thức thực hiện pháp luật

	Tuân thủ PL	Thi hành PL	Sử dụng PL	Áp dụng PL
Khái niệm	Là hình thức THPL mà các chủ thể PL kiềm chế không tiến hành những hoạt động mà PL ngăn cấm.	Là hình thức THPL mà các chủ thể PL thực hiện nghĩa vụ pháp lý của mình bằng những hoạt động tích cực.	Là hình thức THPL mà các chủ thể PL thực hiện quyền chủ thể mà PL quy định.	Là hình thức THPL chỉ dành cho các cơ quan NN hay nhà chức trách có thẩm quyền
Ví dụ	Không mua bán dâm Không đi vào đường cấm Không mua bán, tàng trữ chất trái phép	Công dân đi đúng làn đường Công dân thực hiện nghĩa vụ quân sự, bầu cử	Tự do ngôn luận Tự do kinh doanh Tự do bầu cử	CSGT thực hiện xử phạt VPGT UBND thực hiện cấp giấy đăng ký kết hôn
Phân biệt		(1)HT Tuân thủ PL khác thi hành PL ở chỗ 1 hành vi là hành động còn 1 hành vi thực hiện dưới dạng	(1)(2)SDPL khác với hai hình thức trên ở chỗ: SDPL thì CD có quyền lựa chọn sử dụng cho mình TTPL và THPL thì dù có hành động	(1)(2)(3)Khác với 3 hình thức thực hiện pháp luật ở trên, ADPL có yếu tố chủ thể tiến hành chỉ là NN/Nhà chức trách hoặc cơ quan được NN uỷ quyền

		không HĐ	hay không, CD không có quyền lựa chọn, mà bắt buộc phải thực hiện theo cách xử sự của NN đưa ra	
	<i>không làm</i>	<i>phải làm</i>	<i>làm/không</i>	

7. Khái niệm và đặc điểm của áp dụng pháp luật.

- ĐN: Áp dụng pháp luật là **hoạt động cá biệt hoá các quy phạm pháp luật vào trường hợp cụ thể với các cá nhân, tổ chức.**

Ví dụ: Hoạt động áp dụng pháp luật của Cảnh sát giao thông là sự cá biệt hóa các quy định về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông vào trường hợp cụ thể của người có hành vi vi phạm.

- Các trường hợp

Nội dung	Ví dụ	Phân tích
1. Khi quyền và nghĩa vụ pháp lý của chủ thể không mặc nhiên phát sinh, thay đổi, hoặc chấm dứt.	UBND thực hiện đăng ký kết hôn cho ND	
2. Khi cần áp dụng các biện pháp cưỡng chế NN đối với các chủ thể VPPL	CSGT xử phạt với người vi phạm giao thông	
3. Khi xảy ra tranh chấp về quyền và nghĩa vụ pháp lý giữa các chủ thể mà họ không tự giải quyết được với nhau và yêu cầu có sự can thiệp của một chủ thể có thẩm quyền	Toà án giải quyết tranh chấp đất đai cho hai anh em.	
4. Khi cần áp dụng sự cưỡng chế của NN đối với các chủ thể không VPPL mà chỉ vì lợi ích chung của XH.	CQNN có thẩm quyền thực hiện thu hồi nhà đất ND	
5. Khi cần áp dụng các hình thức khen thưởng đối với các chủ thể có thành tích theo quy định của PL	UBND thành phố HN trao giấy khen thưởng, tiền với anh Nguyễn Ngọc Mạnh	
6. Khi cần kiểm tra, giám sát việc thực hiện	Hoạt động giám sát của	

quyền và nghĩa vụ pháp ý của các chủ thể trong một số quan hệ pháp luật nhất định theo quy định của pháp luật.	Quốc hội đối với Chính phủ	
7. Khi cần phải xác nhận sự tồn tại của một số sự kiện thực tế cụ thể nào đó theo quy định của pháp luật.		

- Các đặc trưng của áp dụng pháp luật

1. ADPL là hoạt động có tính quyền lực NN

- Hoạt động ADPL chỉ do CQNN hay nhà chức trách có thẩm quyền tiến hành
- Các chủ thể này đại diện cho quyền lực NN sẽ xem xét, giải quyết và đưa ra các quyết định pháp lý cụ thể, có hiệu lực bắt buộc thi hành đối với các đối tượng liên quan.

2. ADPL có hình thức, thủ tục chặt chẽ theo quy định PL

- ADPL cần được tuân thủ đúng về mặt hình thức, nghĩa là cần thực hiện đúng, đầy đủ các bước trong các giai đoạn khi tiến hành ADPL
- Nguyên nhân: vì ADPL là hoạt động có tính công cụ, hệ quả pháp lý của nó có thể ảnh hưởng pháp lý đến các chủ thể liên quan, nên không thể tiến hành cầu thả

3. ADPL mang tính cá biệt, cụ thể:

- Đối tượng của hoạt động ADPL là những trường hợp, vụ việc cụ thể vào những thời gian, không gian xác định
- Quyết định ADPL thuộc thẩm quyền ban hành của các cơ quan hay nhà chức trách có thẩm quyền với những tên gọi xác định (Bản án, Quyết Định,...). Các VBADPL này có hiệu lực bắt buộc đối với các chủ thể là cá nhân, tổ chức cụ thể, xác định, và chỉ áp dụng 1 lần rồi hết hiệu lực pháp lý

4. ADPL là hoạt động có tính sáng tạo (trong khuôn khổ PL):

- Thứ nhất, do thực tiễn đời sống rất phong phú, đa dạng, mà quy định PL thì ngắn gọn, xúc tích
- Thứ hai, các NN thường sử dụng đa dạng các loại nguồn PL (VB QPPL, án lệ,...)
- Do vậy, khi ADPL cần sáng tạo để xem xét thấu đáo các tình huống, sự việc, và lựa chọn quy phạm phù hợp để AD
- Tuy nhiên, sự sáng tạo này phải trong khuôn khổ PL

7. Ý thức pháp luật: Khái niệm; Các đặc trưng cơ bản của ý thức pháp luật.

CÂU 13. Ý THỨC PHÁP LUẬT: KHÁI NIỆM; CÁC ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA YTPL?

*** ĐN:** YTPL là tổng thể những tư tưởng, học thuyết, quan điểm, thái độ, tình cảm, sự đánh giá của con người về PL trên các phương diện, tiêu chí cơ bản như: về sự cần thiết (hay không cần thiết) của PL; Về vai trò, chức năng của pháp luật; Về tính công bằng hay không công bằng,

đúng đắn hay không đúng đắn của PL hiện hành, pháp luật đã qua trong quá khứ, pháp luật cần phải có.

*** PHÂN TÍCH CÁC ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA YTPL:**

Thứ nhất, YTPL là một hình thái YTXH, chịu sự quy định của tồn tại XH.

- YTPL cũng là một hình thức YT xã hội, do vậy nó chịu sự quy định của tồn tại XH. Hay nói cách khác, YTPL của mỗi con người đều sẽ chịu sự quy định, tác động từ chính các yếu tố khách quan nơi họ sinh sống và làm việc (như: điều kiện, hoàn cảnh kinh tế, chính trị, văn hoá, đạo đức, phong tục, tập quán...)

- VD: Một sinh viên sinh sống và học tập ở Hà Nội thường sẽ có YTPL cao hơn với những người sinh sống ở vùng núi, vùng sâu vùng xa, do SV đó có điều kiện, môi trường học tập, điều kiện tìm kiếm thông tin, điều kiện tiếp xúc với thầy cô, bạn bè, các chuyên gia...

Thứ hai, Tính độc lập tương đối của YTPL (hay sự tác động ngược trở lại của YTPL đến tồn tại XH): Tính độc lập tương đối của YTPL được thể hiện ở hai chiều hướng:

- Sự tác động ngược trở lại của YTPL đối với TTXH: Sự tác động ngược trở lại của YTPL đối với TTXH có thể theo cả 2 chiều hướng (tích cực và tiêu cực).

VD: YTPL đúng đắn của sinh viên (sau khi đã đc học tập, sinh sống ở những môi trường tiên bộ) có thể làm thay đổi các tồn tại XH trong gia đình, địa phương (như về việc trọng nam khinh nữ; tảo hôn; hủ tục bắt dâu...).

Thứ ba, Tính giai cấp của YTPL:

- YTPL luôn thể hiện tính giai cấp sâu sắc, được biểu hiện như sau: Thứ nhất, Pháp luật là do NN ban hành. PL trong NN về cơ bản sẽ là sự phản ánh, thể hiện YTPL của giai tầng thống trị, hay giai tầng lãnh đạo NN. Bên cạnh đó, PL cũng có thể thể hiện YTPL của các giai tầng khác ở một mức độ nhất định tùy thuộc vào tính dân chủ của các kiểu NN khác nhau.

+ (VD: ở NN XHCN, PL bên cạnh việc thể hiện YTPL của giai tầng lãnh đạo NN thì còn thể hiện YTPL của các tầng lớp nhân dân thông qua hoạt động trưng cầu dân ý).

7. Mối quan hệ giữa ý thức pháp luật và pháp luật.

CÂU 14. MỐI QUAN HỆ GIỮA YTPL VÀ PL?

I. ĐN:

- YTPL là tổng thể những cảm xúc, đánh giá, quan điểm, tư tưởng, học thuyết, nhận thức... mà qua đó phản ánh được sự hiểu biết hay tình cảm, thái độ của một cá nhân, một nhóm người hay của toàn xã hội về pháp luật nói chung, về hành vi pháp luật hay về những hiện tượng pháp luật.

- PL (bổ sung định nghĩa PL ở các bài trước).

II. MQH GIỮA YTPL VÀ PL:

Khẳng định: Giữa YTPL và PL có mối quan hệ gắn bó mật thiết, biện chứng, tác động 2 chiều.

1. Sự tác động của YTPL tới PL:

- YTPL đối với hoạt động Xây dựng PL:

- + YTPL là tiền đề tư tưởng cho hoạt động XDPL.
- + Chất lượng của các VBPL phụ thuộc rất nhiều vào YTPL của các chủ thể có thẩm quyền XDPL hoặc những người có tham gia vào quá trình này. Nếu các chủ thể này có YTPL cao thì khả năng chất lượng của các VBPL sẽ tốt, và ngược lại.
- + Chất lượng của các VBPL cũng phụ thuộc vào YTPL của nhân dân. Bởi lẽ, trong những NN dân chủ, hiện đại, nhân dân dù không phải là chủ thể XDPL nhưng họ có tham gia vào quá trình này thông qua hoạt động trưng cầu dân ý, hoạt động lấy ý kiến đóng góp xây dựng Luật.

- YTPL đối với hoạt động thực hiện PL, ADPL: Các quy định PL có được thực thi nghiêm túc trên thực tế hay không phụ thuộc nhiều vào YTPL của các chủ thể THPL (người dân, cán bộ NN).

- + Nếu YTPL của người dân tốt, về cơ bản họ sẽ hiểu các quy định PL và có ý thức TH các quy định PL đó một cách nghiêm chỉnh.
- + Các chủ thể có thẩm quyền ADPL nếu có YTPL tốt thì khi tiến hành hoạt động công vụ của mình, họ cũng sẽ tổ chức cho việc THPL một cách nghiêm minh.

2. Sự tác động của PL tới YTPL:

- + Sự tác động của PL tới YTPL chủ yếu mang tính chất định hướng. Nếu PL của NN được xây dựng tốt, phù hợp với đời sống thực tiễn, hợp lý thì về cơ bản sẽ khiến người dân tự đồng tình và tự giác thực hiện, tuân thủ theo, và ngược lại.
- + PL nếu được xây dựng tốt, nội dung tiến bộ còn có ý nghĩa tích cực trong việc định hướng tư tưởng, hành vi của người dân. (VD1: PL quy định việc cấm mang thai hộ vì mục đích thương mại, đi kèm với quy định là những biện pháp chế tài khi vi phạm. Việc PL quy định như vậy sẽ làm cho người dân thấy việc làm này là sai trái, vi phạm đạo đức, VPPL và từ đó không thực hiện) (VD2: PL quy định người dân phải đội mũ bảo hiểm khi tham gia giao thông; quy định về độ tuổi kết hôn...).

7. Vi phạm pháp luật: Khái niệm; Các dấu hiệu cơ bản; Các yếu tố cấu thành; Các loại vi phạm pháp luật.

- KN: VPPL là hành vi nguy hiểm cho XH, xâm phạm đến các lợi ích được bảo vệ bằng ngành luật tương ứng hoặc trái với các quy định trong ngành luật ấy, do người có năng lực trách nhiệm pháp lý và đủ tuổi chịu trách nhiệm pháp lý thực hiện 1 cách có lỗi.

- Các dấu hiệu cơ bản:

1.

- + Là hành vi xác định của con người hoặc hành động của các cơ quan, tổ chức
 - hành vi hành động: giết người
 - hành vi không hành động: trốn thuế, nhìn thấy người buôn bán ma túy mà không tố giác

+ Những suy nghĩ trong đầu có nguy hiểm đến đâu nhưng không thành hành động thì không VPPL

+ 1 hành vi VPPL khi nó được bộc phát thành hành vi

2.

+ Là hành vi trái PL và xâm hại đến QHXX được PL bảo vệ

3.

+ Là hành vi do chủ thể có năng lực trách nhiệm pháp lý thực hiện (có khả năng nhận thức và đk hành vi – đủ tuổi)

4.

+ Hành vi trái PK chỉ bị coi là hành vi VPPL khi có dấu hiệu lỗi của chủ thể (lỗi cố ý/ lỗi vô ý)

- Các yếu tố cấu thành VPPL

1. Mặt khách quan

+Hành vi:

7. Trách nhiệm pháp lý: Khái niệm; Cơ sở của TNPL; Các dạng TNPL; Cho ví dụ minh họa.

- KN: TNPL là hậu quả pháp lý bất lợi mà chủ thể vi phạm pháp luật phải gánh chịu về vật chất hoặc tinh thần và được AD bởi cơ quan NN có thẩm quyền.

- Cơ sở của TNPL: Cơ sở của trách nhiệm pháp lý là vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý chỉ xuất hiện khi trong thực tế xảy ra vi phạm pháp luật. Nếu trong thực tế không có vi phạm pháp luật thì không được truy cứu trách nhiệm pháp lý. Trách nhiệm pháp lý chỉ được phép áp dụng đối với các chủ thể vi phạm pháp luật.

- Các dạng TNPL:

A. Trách nhiệm hình sự:

- Là loại trách nhiệm nghiêm khắc nhất do tòa án AD đối với những chủ thể có hành vi vi phạm tội do pháp luật hình sự quy định
- Trách nhiệm hình sự gồm: cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình

B. Trách nhiệm pháp lý hành chính là loại trách nhiệm pháp lý do các cơ quan nhà nước áp dụng đối với chủ thể vi phạm pháp luật hành chính. Trách nhiệm pháp lý hành chính gồm khiển trách, cảnh cáo, phạt tiền, cách chức, buộc thôi việc...;

C. Trách nhiệm pháp lý kỉ luật là loại trách nhiệm do thủ trưởng cơ quan, tổ chức áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức, công nhân của cơ quan, tổ chức mình khi họ vi phạm kỉ luật lao động (Trách nhiệm hình sự, Trách nhiệm dân sự, Trách nhiệm hành chính; Trách nhiệm kỉ luật).

PHÁP LUẬT CHUYÊN NGÀNH

17. Hiến pháp: Khái niệm; vai trò của Hiến pháp trong đời sống xã hội; Các nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013.

Hiến pháp là đạo luật cơ bản của một quốc gia, dùng để xác định cách thức tổ chức, thể chế chính trị, hoạt động của bộ máy nhà nước và bảo vệ các quyền công dân, quyền con người.

- Các ND cơ bản của Hiến Pháp:

+ quy định những vấn đề cơ bản nhất về chủ quyền quốc gia, chế độ chính trị, chính sách kinh tế, xã hội

- Quy định quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

+ Quy định vị trí pháp lý và cơ cấu tổ chức của các cơ quan trong bộ máy NN VN: Quốc hội, chính phủ, chủ tịch nước, tòa án, VKS, Tòa án ND và Hội đồng ND...

17. Kể tên các nhóm quyền con người, quyền công dân cơ bản trong Hiến pháp năm 2013.

- Quyền con người được khẳng định là các quyền tự nhiên vốn có và không thể chuyển nhượng của các cá nhân

- Nhóm quyền về chính trị: Quyền bầu cử - ứng cử và tham gia vào các BMNN, chính trị

- Nhóm quyền kinh tế, dân sự:

+ Quyền sống, quyền bình đẳng giới, quyền khiếu nại tố cáo, quyền tự do kinh doanh

- Nhóm quyền tự do: Tự do ngôn luận, tự do tôn giáo và tín ngưỡng.

17. LHS: Khái niệm tội phạm; Năng lực trách nhiệm hình sự; Độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự.

- Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho Xh được quy định trong Bộ luật HS, do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi hoặc pháp nhân thương mại thực hiện 1 cách cố lỗi (cố ý hoặc vô ý) xâm phạm đến các QHXH.

- Năng lực trách nhiệm hình sự: là đk cần thiết để có thể xác định con người có lỗi khi họ thực hiện hành vi nguy hiểm cho XH. Chỉ người có năng lực trách nhiệm hình sự mới có thể là chủ thể của tội phạm.

+ Năng lực trách nhiệm hình sự được hợp thành từ hai yếu tố:

* Khả năng nhận thức và kn điều khiển hành vi

* Tuổi chịu trách nhiệm hình sự

- Độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự”

+ Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải gánh chịu trách nhiệm pháp lý hình sự đối với mọi loại tội phạm

+ Người từ đủ 14 tuổi trở lên đến dưới 16 tuổi chỉ chịu trách nhiệm hình sự về các tội rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng được liệt kê trong bộ luật: giết người, cướp tài sản, hiếp dâm...

17. LDS: Năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự.

17.**LHNGĐ**: Quyền, nghĩa vụ của các chủ thể trong quan hệ pháp luật hôn nhân và gia đình.

17.**LHC**: Khái niệm trách nhiệm hành chính; Các hình thức xử phạt hành chính.

- KN: Trách nhiệm hành chính là 1 loại trách nhiệm pháp lí, được áp dụng trong hành chính NN đối với những cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính.

- Các hình thức xử phạt hành chính:

+ Các hình thức xử phạt chính: Cảnh cáo, phạt tiền, trục xuất

+ Các hình thức phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, tịch thu tang vật.

17.**LMT**: Nội dung điều chỉnh cơ bản của Luật môi trường Việt Nam